

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST  
Ngày 17 - 8 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Văn Kiều

2. Ông Đào Văn Rạng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với:

+ Bị cáo: Đoàn Thị T - Sinh năm 1972 tại tỉnh Nh.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Q, huyện N, tỉnh N; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; giới tính: Nữ; con ông Đoàn Đức V sinh năm 1946, hiện làm ruộng tại thị trấn Q, huyện N, tỉnh N và bà Lê Thị H sinh năm 1948, đã chết năm 2016; có chồng là Ngô Văn H sinh năm 1973, ly hôn năm 1997; có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền sự, tiền án: Không

Bị cáo Đoàn Thị T bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 01/6/2020 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N.

+ Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh N.

+ Người làm chứng: Chị Đặng Thị S - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Đội 3 Nam Hải, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; vắng mặt người làm chứng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 29/5/2020, Đoàn Thị T từ nhà ở thị trấn Q, huyện N đi nhờ xe của người đi đường đến khu vực đò Cống Toà thuộc xã N, huyện N sang xã Kim T, huyện K, tỉnh N để mua ma túy về cho bạn là Vũ Văn C ở xã N sử dụng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, tại bến đò thuộc địa phận xã Kim T; T gặp và mua của người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ 500.000 đồng được 03 gói heroine. T cất 03 gói heroin vào túi áo bên trái đang mặc và sang đò đi bộ về nhà. Đến khoảng 12 giờ 50 phút khi T đi bộ về đến khu vực đường đông thuộc đội 1, hợp tác xã Phú Th, xã N thì bị tổ công tác của Đoàn Biên Phòng Ngọc L -Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh N bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi áo bên trái của Đoàn Thị T 03 gói giấy, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, trong đó 01 gói vỏ gói là giấy vở học sinh, 02 gói vỏ gói là giấy màu xanh trắng (được niêm phong ký hiệu M), Đoàn Thị T khai nhận đó là 03 gói heroine mua về cất giấu để cho bạn trai của T là Vũ Văn C sử dụng. Tại bản kết luận giám định số: 587/GĐKTHS ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 03 gói giấy nhỏ được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu M: 0,281 gam. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Đoàn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 50/CT-VKS ngày 07/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đoàn Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt Đoàn Thị T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 587/GĐKTHS (bên trong phong bì có 0,236 gam mẫu M, cùng vỏ bao gói) ngày 30/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định; đề nghị áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đề nghị xử lý đối với bị cáo Đoàn Thị T, nhưng bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy có cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 29/5/2020, tại khu vực đường đông, thuộc đội 1 hợp tác xã Phú Thọ, xã N, huyện N, Đoàn Thị T có hành vi tàng trữ trái phép 0,281 gam heroine và bị tố công tác của Đồn Biên Phòng Ngọc Lâm-Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh N phát hiện bắt quả tang. Heroine là một trong các chất ma túy mà Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ trái phép. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Đối chiếu với quy định của Bộ luật Hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, việc đưa bị cáo ra xét xử

công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 phong bì niêm phong số 587/GĐKTHS (bên trong phong bì có 0,236 gam mẫu M, cùng vỏ bao gói) ngày 30/5/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với Vũ Văn C sinh năm 1974 ở đội 4, xã N, huyện N, tỉnh N là người nghiện ma túy mà Đoàn Thị T khai mua ma túy để cho Vũ Văn C sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã triệu tập để làm việc, nhưng Vũ Văn C vắng mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra xem xét sau.

[7] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đoàn Thị T ngày 29/5/2020 tại khu vực bến đò xã Kim T, huyện K, tỉnh N hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc xử lý vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong số 587/GĐKTHS (bên trong phong bì có 0,236 gam mẫu M, cùng vỏ bao gói) ngày 30/5/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N hoàn trả sau giám định.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 07/7/2020.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Đoàn Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Chi cục TGADS H N;
- UBND TT Q;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trần Xuân Dũng**